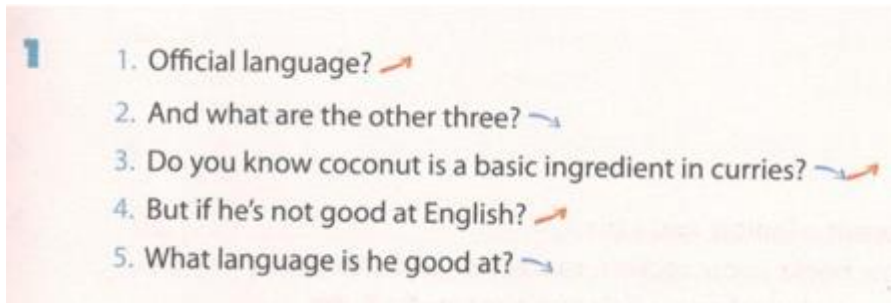


**Soạn Test yourself 3 – Tiếng Anh lớp 9**

**1. Complete the short conversations...**

(Hoàn thành đoạn hội thoại sau với các cụm từ/câu hỏi cho trước. Ký hiệu bằng mũi tên lên, xuống để đánh dấu âm điệu.)



**2. Choose the best option...**

(Chọn đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong các câu sau)

1.	2.	3.	4.	5. D
B	B	D	A	
6.	7.	8.	9.	10.
C	D	C	B	A

**3. Use the correct form...**

(Dùng dạng đúng của những từ cho trong ngoặc để hoàn thành các câu sau)

1. tender	2. accessible	3. preserve ...tourists	4. multilingual
5. spicy	6. simplicity	7. international	8. flexibility
		official...	

**Hướng dẫn dịch:**

1. Bữa sáng này không mềm đủ để bà tôi ăn được.
2. Bài thơ này được viết bằng tiếng Anh đơn giản, có thể tiếp cận ngay lập tức với học sinh của chúng ta.
3. Khu vực này, một khu vực thiên nhiên quan trọng được bảo tồn, đang thu hút ngày càng nhiều khách du lịch châu Âu.
4. Một người đa ngôn ngữ là người mà có thể nói và sử dụng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau.
5. Người lớn thường thích đồ ăn cay nóng, trong khi trẻ em thường thích dịu nhẹ hơn.
6. Ông bà tôi thích sự đơn giản của cuộc sống làng quê hơn.
7. Từ giữa thế kỉ 20, Anh đã trở thành ngôn ngữ chính thức của các tổ chức quốc gia như Liên hợp quốc.
8. Máy tính cho phép linh hoạt hơn trong việc sắp xếp công việc.

**4. Choose the best option...**

(Chọn đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau.)

1.	2.	3.	4.	5. B
C	B	A	A	
6.	7.	8.	9.	10.
D	C	B	D	C

**Hướng dẫn dịch:**

Cái gì ngon không phải lúc nào cũng tốt cho sức khỏe. Bác sĩ nói rằng khoai tây chiên và pizza gây béo, đồ uống có ga làm hỏng răng và cà phê giảm tuổi thọ của chúng ta. Nếu chúng ta ăn quá nhiều, chúng ta sẽ trở nên béo phì và bệnh béo phì dẫn đến bệnh tim, tiểu đường và nhiều bệnh nguy hiểm khác. Không may thay, thế giới ngày nay đang ngày càng béo lên.

Thiếu luyện tập thể dục là một vấn đề nghiêm trọng khác. Chúng ta dành thời gian hàng giờ ngồi trước máy tính và tv. Chỉ một số ít chúng ta tập thể dục. Chúng ta đi bộ ít bởi chúng ta thích sử dụng ô tô hoặc phương tiện giao thông công cộng hơn. Nghiên cứu cho thấy, dù vậy, người trẻ không tập thể dục đủ thường gặp vấn đề đau tim khi về già.

Chúng ta biết rằng hút thuốc và uống rượu có thể giảm tuổi thọ rất nhiều. Hút thuốc lá, ví dụ, giết hàng triệu người mỗi năm. Rất nhiều trong số họ chết bởi ung thư phổi. Nhưng vẫn nhiều người trẻ tiếp tục hút thuốc và uống rượu. Vì sao ư? Một câu trả lời là các công ty thuốc lá và rượu đầu tư rất nhiều tiền vào quảng cáo sản phẩm của họ. Với họ, thuốc lá và đồ uống có cồn nghĩa là tiền. Với chúng ta, chúng có nghĩa là bệnh tật và thậm chí là cái chết.

Chúng ta đều biết rằng chúng ta càng khỏe mạnh thì chúng ta càng cảm thấy tốt hơn. Chúng ta càng cảm thấy tốt hơn, chúng ta càng sống lâu hơn. Vậy thì tại sao không chăm sóc cho bản thân mình?

## 5. Correct the mistakes...

(Sửa lỗi sai trong các câu sau, sử dụng a, an, the hoặc bỏ trống.)

1. What great progress the children have made in English this year!
2. Diabetes is becoming a more and more common disease in children.
3. How many hours of sunshine does the region enjoy every day?

4. Most people would agree that travelling broadens the mind as you get to see so many different ways of life.

5. Britain and the USA have invested greatly in the development of English Language Teaching (ELT).

### Hướng dẫn dịch:

1. Lũ trẻ đã tiến bộ rất nhiều trong môn Tiếng Anh trong năm nay!
2. Tiêu đường đang trở nên ngày càng phổ biến ở trẻ em.
3. Ở nơi của bạn có bao nhiêu giờ nắng mỗi ngày?
4. Hầu hết mọi người sẽ đồng ý rằng du lịch giúp mở mang đầu óc vì bạn sẽ được thấy nhiều phong cách sống khác nhau.
5. Anh và Mỹ đã đầu tư rất nhiều vào phát triển việc dạy học tiếng Anh.
6. Insert a suitable word ...

(Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn sau.)

1. only	2. pronunciation	3. words/vocabulary	4. for	5. new
6. why	7. added	8. that/which	9. may/might/probably	10. probably

### Hướng dẫn dịch:

Tiếng Anh đã phát triển nhiều loại khác nhau trên những nơi khác nhau trên thế giới. Không chỉ có tiếng Anh Mỹ, Anh Canada, Anh Úc hay Anh New Zealand, mà còn có cả Anh Ấn, Anh Singapore và hơn thế nữa. Những ngôn ngữ này có cách phát âm và đánh vần riêng. Chúng cũng có những từ vựng riêng, từ vỉa hè (pavement) ở

Anh là “sidewalk” ở Mỹ và “footpath” ở Úc. Trên thực tế, một lý do dẫn đến sự giàu có của tiếng Anh là nó đã mượn nhiều từ từ các ngôn ngữ và văn hóa mà nó liên kết với. Bạn có bao giờ tự hỏi tại sao tiếng Anh dường có nhiều hơn một từ cùng chỉ một thứ không? Ồ, bởi vì những từ mới được thêm vào tiếng Anh như là kết quả của việc liên hệ với các văn hóa và ngôn ngữ khác. Nhiều từ mà chúng ta cho rằng là tiếng Anh gốc thực ra đến từ ngôn ngữ khác, ví dụ, “passport” (hộ chiếu) đến từ tiếng Pháp, “mosquito” (muỗi) đến từ tiếng Tây Ban Nha, và từ “sauna” (xông hơi) đến từ tiếng Phần Lan. Bạn có thể nghĩ rằng “hamburger”, “ketchup” (trương cà), “coffee” (cà phê) sẽ đến từ tiếng Anh Mỹ, phải không? Không hề, “hamburger” đến từ tiếng Đức, “ketchup” là từ Malay và “coffee” là Thổ Nhĩ Kỳ, tin hay không tùy bạn. Một vài từ bạn có thể biết được nguồn gốc như “karate” là từ tiếng Nhật, ví dụ, “violin” là tiếng Ý, và “tea” đến từ tiếng Chr nhưng còn từ “cruise” thì sao? Nó đến từ tiếng Hà Lan đây.

### 7. Read the passage...

(Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi.)

1.	2.	3.	4.	5.
B	D	B	C	A

### 8. Combine the pairs of...

(Nối hai câu sau, sử dụng mệnh đề quan hệ.)

1. The book (which/that) I lent him was written by Daniel Defoe.
2. A nutritionist is an expert who/that studies the relationship between foods and health.
3. My friend, whose bicycle was stolen last week, has decided to buy a motorbike.
4. ‘Who Wants to be a Millionaire?’ is a TV show that/which is very popular.

5. Yoga is a type of exercise that/which many people enjoy.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Quyển sách mà tôi cho anh ấy mượn được viết bởi Daniel Defoe.

2. Một nhà dinh dưỡng là một chuyên gia nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và sức khỏe.

3. Bạn của tôi, người có một chiếc xe đạp bị trộm tuần trước, đã quyết định mua một chiếc xe máy.

4. “Ai là triệu phú” là một chương trình TV rất nổi tiếng.

5. Yoga là một loại hình thể dục mà nhiều người yêu thích.

**9. Complete the second sentence...**

(Viết lại các câu sau sao cho nghĩa không đổi.)

1. The information (that/which) the receptionist gave me was very useful.

2. She is an English teacher at our school.

3. If I were good at cooking, I could become a chef.

4. Tim asked me to help him wash the dirty dishes.

5. If you don't ride your bike carefully, you may/might have an accident.